ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 516 /QĐ-UBND	*Dầu Tiếng, ngày 13 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả của các đơn vị sự nghiệp giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn huyện Dầu Tiếng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị quyết số 08/NQ-CP 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường Phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức

danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

Căn cứ Công văn số 1556/SNV-TCCB ngày 25/8/2023 của Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương về việc đề án sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số 94/TTr-PGDĐT ngày 04/12/2023 của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện; Tờ trình số 250/TTr-PNV ngày 07/12/2023 của Trưởng phòng Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả của các đơn vị sự nghiệp giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn huyện Dầu Tiếng. Đề án này thay thế Đề án số 71/ĐA-UBND ngày 23/11/2023 của UBND huyện.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện giao:

- Phòng Nội vụ triển khai thực hiện theo lộ trình Đề án đã đề ra; hướng dẫn, sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên sau khi sáp nhập.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp Phòng Nội vụ tham mưu sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên sau khi sáp nhập, đảm bảo định mức, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND - UBND, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Sở: Nội vụ, Giáo dục và ĐT;
- TT HU, TT HĐND;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Như Điều 3;
- LĐVP, CV (Phú – VX);
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Quang Tuyên

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

Sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả của các đơn vị sự nghiệp giai đoạn 2023 -2025 trên địa bàn huyện Dầu Tiếng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 516 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Huyện Dầu Tiếng là một huyện phía bắc của tỉnh Bình Dương, cách trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương khoảng 50 km. Phía bắc giáp huyện Bình Long (tỉnh Bình Phước), phía Đông và Đông Nam giáp thị xã Bến Cát *(tỉnh Bình Dương)*, phía Tây Bắc và Tây Nam giáp huyện Dương Minh Châu (*tỉnh Tây Ninh)*, phía Nam giáp huyện Củ Chi (*thành phố Hồ Chí Minh).* Diện tích tự nhiên 721,09 km2, trong đó, diện tích đất nông nghiệp: 62.547,90 ha, diện tích đất phi nông nghiệp: 9.561,60 ha, dân số trên 128.091 người (năm 2022). Toàn huyện có 12 đơn vị hành chính, bao gồm 11 xã và 01 thị trấn (Minh Thạnh, Minh Hòa, Minh Tân, Định An, Định Thành, Định Hiệp, Long Hòa, Long Tân, An Lập, Thanh An, Thanh Tuyền và thị trấn Dầu Tiếng), với 89 ấp, khu phố.

Với quan điểm "Giáo dục và đào tạo luôn được coi là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, nhà nước và của toàn dân" được xác định trong Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 14/01/1993 Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII) về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo; giáo dục và đào tạo huyện Dầu Tiếng luôn được Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện quan tâm, đầu tư và đã có sự phát triển khá toàn diện: Mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học được phủ kín trên tất cả địa bàn các xã, thị trấn; chất lượng giáo dục ngày một nâng cao; cơ sở vật chất và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục ngày càng được củng cố, tăng cường; quy mô trường, lớp đảm bảo theo quy định của Luật Giáo dục, góp phần quan trọng thực hiện nhiệm vụ nâng cao dân trí, tạo nguồn nhân lực, phục vụ cho công cuộc phát triển kinh tế xã hội của huyện. Trong những năm qua, ngành Giáo dục và Đào tạo của huyện đã có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng. Năm học 2023-2024, tại thời điểm tháng 10/2023, toàn huyện có 42 trường, trong đó: MN-MG: 17 trường, TH: 16 trường, THCS: 08 trường và 01 trường TH-THCS. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 1.554 người; trong đó, CBQL: 97 người, Giáo viên: 981 người và nhân viên: 476 người. Tổng số học sinh: 19.220 với số lớp là 583 lớp.

(Chi tiết tại Phụ lục số 1 đính kèm)

II. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Sự cần thiết

Trong những năm qua, Đảng đã ban hành nhiều văn bản về việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế: Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp

hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Do đó, việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 19 là hết sức cần thiết, phù hợp với chủ trương của Đảng nhằm tinh gọn bộ máy, tạo điều kiện tốt nhất trong môi trường dạy và học, góp phần thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; qua đó, thực hiện nghiêm chủ trương tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ CBGVNV, thực hiện tiết giảm chi tiêu ngân sách, tập trung nguồn lực xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về việc sắp xếp, hợp nhất các trường Mầm non, Tiểu học trên địa bàn cấp xã để thu gọn đầu mối các điểm trường, sáp nhập một số trường Tiểu học vào trường THCS nhằm giảm ít nhất 10% số trường công lập đến năm 2025; phấn đấu mỗi địa bàn cấp xã chỉ duy trì một đầu mối trường Mầm non và một đầu mối trường Tiểu học theo tinh thần Nghị quyết số 19/NQ-TW để đáp ứng yêu cầu thực tiễn khách quan hiện nay đối với giáo dục, đòi hỏi phải tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập là hết sức cần thiết và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của huyện.

2. Cơ sở pháp lý

a) Văn bản Trung ương

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Luật Viên chức năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Luật Giáo dục năm 2019;

- Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

- Nghị quyết số 08/NQ-CP 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;

- Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

- Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

- Công văn số 3712/BGDĐT-CSVC ngày 24/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông.

- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường Phổ thông có nhiều cấp học;

- Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

- Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường Mầm non;

- Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Văn bản cấp tỉnh

- Kế hoạch số 5015/KH-UBND ngày 29/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về thực hiện nhiệm vụ trọng tâm về cải cách hành chính quý IV và triển khai các giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính năm 2023.

- Công văn số 1556/SNV-TCCB ngày 25/8/2023 của Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương về việc đề án sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Văn bản cấp huyện

- Kế hoạch số 77-KH/HU ngày 10/8/2018 của Huyện ủy Dầu Tiếng về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) " về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập";

- Kế hoạch số 75-KH/UBND ngày 25/06/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) " về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập".

III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu

Hợp nhất hai trường trên địa bàn xã từ đó giảm thiểu số đơn vị cùng làm một nhiệm vụ trên một đơn vị hành chính, giảm được số biên chế về đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên phục vụ; cân đối hài hòa đối với đội ngũ giáo viên và nhân viên ở hai trường. Sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học giữa giáo viên và học sinh.

Nâng cao chất lượng dạy và học trên địa bàn, đáp ứng tốt nhất cho việc đổi mới giáo dục trong thời gian tới. Đảm bảo tính ổn định lâu dài khi sáp nhập về cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên của nhà trường.

2. Nhiệm vụ

Làm tốt công tác tư tưởng, tạo sự đồng thuận của cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương, cán bộ, giáo viên, nhân viên của hai nhà trường và phụ huynh học sinh, nhân dân địa phương với chủ trương sáp nhập trường.

Thực hiện bố trí, sắp xếp hợp lý cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cơ sở vật chất, đảm bảo tinh gọn bộ máy quản lý, đồng bộ về cơ cấu tổ chức, đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học khi thực hiện Đề án.

IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC, BỘ MÁY

1. Sắp xếp tổ chức

Thực hiện chủ trương, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sắp xếp, hợp nhất các trường Mầm non, Tiểu học trên địa bàn cấp xã để thu gọn đầu mối các điểm trường, sáp nhập một số trường Tiểu học vào trường THCS nhằm giảm ít nhất 10% số trường công lập đến năm 2025,.. theo tinh thần Nghị quyết số 19/NQ-TW, đòi hỏi phải tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như chất lượng dạy và học của ngành Giáo dục. Do đó, từ nay đến năm 2025, số trường trên địa bàn huyện hiện có 42 trường (17 trường Mầm non, 16 trường Tiểu học, 08 trường THCS và 01 trường TH-THCS) phải giảm ít nhất 10% số trường hiện có. Như vậy, giai đoạn từ năm 2023 đến năm 2025, tổng số trường sau khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập còn là: **36 trường**, cụ thể: Mầm non là 14 trường, Tiểu học là 13 trường, THCS là 07 trường và 02 trường TH-THCS; **giảm 06 trường** (MN giảm 03 trường, TH giảm 03 trường).

Để việc sắp xếp đi vào lộ trình từ năm 2023 đến năm 2025, căn cứ quy mô trường, lớp theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, việc sắp xếp tổ chức thực hiện như sau:

a) Năm 2023:

- Sáp nhập trường MN Định An và trường MN Tuổi Thơ, lấy tên trường: **Trường MN Định An** (trường MN Định An là cơ sở chính, trường MN Tuổi Thơ là cơ sở 2);

- Sáp nhập trường MG Minh Tân và trường MN Hướng Dương, lấy tên trường: **Trường MN Minh Tân** (trường MG Minh Tân là cơ sở chính, trường MN Hướng Dương là cơ sở 2).

b) Năm 2024:

Sáp nhập trường TH Định An và trường THCS Định An, lấy tên trường: **Trường TH-THCS Định An** (trường THCS Định An là cơ sở chính, trường TH Định An là cơ sở 2).

c) Năm 2025:

- Sáp nhập trường MN Thanh An và trường MN Thanh Tân, lấy tên trường: **Trường MN Thanh An** (trường MN Thanh An là cơ sở chính, trường MN Thanh Tân là cơ sở 2);

- Sáp nhập trường TH Thanh An và trường TH Thanh Tân, lấy tên trường: **Trường TH Thanh An** (trường TH Thanh An là cơ sở chính, trường TH Thanh Tân là cơ sở 2);

- Sáp nhập trường TH Định Hiệp và trường TH Định Phước, lấy tên trường: **Trường TH Định Hiệp** (trường TH Định Hiệp là cơ sở chính, trường TH Định Phước là cơ sở 2).

(Chi tiết tại Phụ lục số 2 đính kèm)

2. Sắp xếp bộ máy, nhân sự

2.1. Sắp xếp bộ máy

a) Năm 2023:

- Sáp nhập trường Mầm non Định An và trường Mầm non Tuổi Thơ thành **Trường Mầm non Định An**, cơ cấu tổ chức bộ máy gồm:

STT	Chức vụ	MN Định An	MN Tuổi Thơ	Sau khi sáp nhập	Số lượng thừa (+) hoặc thiếu (-)
1	Hiệu trưởng		1	1	
2	Phó Hiệu trưởng	1	1	2	
3	Giáo viên	12	6	18	
4	Văn thư	1		1	
5	Y tế				
6	Kế toán	1	1	1	+1
7	Cấp dưỡng	6	2	8	
8	Phục vụ	1	1	2	
9	Bảo vệ	3	2	5	
	Tổng CBGVNV	**25**	**14**	**38**	**+1**

=> Như vậy, sau sáp nhập sẽ dôi dư **01**: Kế toán.

- Sáp nhập trường Mẫu giáo Minh Tân và trường Mầm non Hướng Dương thành **Trường Mầm non Minh Tân**, cơ cấu tổ chức bộ máy như sau:

STT	Chức vụ	MG Minh Tân	MN Hướng Dương	Sau khi sáp nhập	Số lượng thừa (+) hoặc thiếu (-)
1	Hiệu trưởng	1	1	1	+1
2	Phó Hiệu trưởng	1	2	2	+1
3	Giáo viên	10	9	19	
4	Văn thư		1	1	
5	Y tế	1		1	
6	Kế toán	1	1	1	+1
7	Cấp dưỡng	3	3	6	
8	Phục vụ	1	1	2	
9	Bảo vệ	2	2	4	
	Tổng CBGVNV	**20**	**20**	**37**	**+3**

=> Như vậy, sau sáp nhập sẽ dôi dư **03**: 01 HT, 01 PHT, 01 Kế toán.

b) Năm 2024:

Sáp nhập trường TH Định An và trường THCS Định An, lấy tên trường: **Trường TH-THCS Định An**, cơ cấu tổ chức bộ máy gồm:

STT	Chức vụ	TH Định An	THCS Định An	Sau khi sáp nhập	Số lượng thừa (+) hoặc thiếu (-)
1	Hiệu trưởng	1	1	1	+1
2	Phó Hiệu trưởng	1	1	2	
3	Giáo viên	22	20	42	
4	Văn thư				
5	Y tế	1	1	1	+1
6	Kế toán	1	1	1	+1
7	Thư viện	1		1	
8	Thiết bị		1	1	
9	Phục vụ	1	1	2	
10	Bảo vệ	2	2	4	
	Tổng CBGVNV	**30**	**28**	**55**	**+3**

=> Như vậy, sau sáp nhập sẽ dôi dư **03**: 01 HT, 01 NVYT, 01 Kế toán.

c) Năm 2025:

- Sáp nhập trường Mầm non Thanh An và trường Mầm non Thanh Tân thành **Trường Mầm non Thanh An**, cơ cấu tổ chức bộ máy gồm:

STT	Chức vụ	MN Thanh An	MN Thanh Tân	Sau khi sáp nhập	Số lượng thừa (+) hoặc thiếu (-)
1	Hiệu trưởng	1	1	1	+1
2	Phó Hiệu trưởng	2	1	2	+1
3	Giáo viên	18	9	27	
4	Văn thư	1		1	
5	Y tế	1	1	1	+1
6	Kế toán	1	1	1	+1
7	Cấp dưỡng	6	3	9	
8	Phục vụ	1	1	2	
9	Bảo vệ	2	2	4	
	Tổng CBGVNV	**33**	**19**	**48**	**+4**

=> Như vậy, sau sáp nhập sẽ dôi dư **04**: 01 HT, 01 PHT, 01 NVYT, 01 Kế toán.

- Sáp nhập trường TH Thanh An và trường TH Thanh Tân thành **Trường TH Thanh An**, cơ cấu tổ chức bộ máy gồm:

STT	Chức vụ	TH Thanh An	TH Thanh Tân	Sau khi sáp nhập	Số lượng thừa (+) hoặc thiếu (-)
1	Hiệu trưởng	1	1	1	+1
2	Phó Hiệu trưởng	1	1	2	
3	Giáo viên	20	15	35	
4	Văn thư		1	1	
5	Y tế	1		1	
6	Kế toán	1	1	1	+1
7	Thư viện		1	1	
8	Thiết bị	1		1	
8	Phục vụ	1	2	3	
9	Bảo vệ	2	2	4	
	Tổng CBGVNV	**28**	**24**	**50**	**+2**

=> Như vậy, sau sáp nhập sẽ dôi dư **02**: 01 HT, 01 Kế toán.

- Sáp nhập trường TH Định Hiệp và trường TH Định Phước thành **Trường TH Định Hiệp**, cơ cấu tổ chức bộ máy gồm:

STT	Chức vụ	TH Định Hiệp	TH Định Phước	Sau khi sáp nhập	Số lượng thừa (+) hoặc thiếu (-)
1	Hiệu trưởng	1	1	1	+1
2	Phó Hiệu trưởng	1	1	2	
3	Giáo viên	25	9	34	
4	Văn thư				
5	Y tế	1	1	1	+1
6	Kế toán	1	1	1	+1
7	Thư viện		1	1	
8	Thiết bị	1		1	
9	Phục vụ	2	1	3	
10	Bảo vệ	2	2	4	
	Tổng CBGVNV	**34**	**17**	**48**	**+3**

=> Như vậy, sau sáp nhập sẽ dôi dư **03**: 01 HT, 01 NVYT, 01 Kế toán.

2.2. Sắp xếp nhân sự

Qua thống kê trên, số nhân sự dôi dư giai đoạn 2023-2025 là **16 người**, trong đó: CBQL: 08, Kế toán: 06, NV Y tế: 03; cụ thể:

a) Năm 2023: 04 người, gồm:

- Hiệu trưởng: 01;
- Phó Hiệu trưởng: 01;
- Kế toán: 02.

b) Năm 2024: 03 người, gồm:

- Hiệu trưởng: 01;
- Kế toán: 01;
- NV Y tế: 01.

c) Năm 2025: 09 người, gồm:

- Hiệu trưởng: 03;
- Phó Hiệu trưởng: 01;
- Kế toán: 03;
- NV Y tế: 02.

(Chi tiết tại Phụ lục số 3 đính kèm)

=> Từ thống kê trên, việc bố trí, sắp xếp CBQL, giáo viên, nhân viên dôi dư phải đảm bảo phù hợp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức theo vị trí việc làm, tạo được tâm lý ổn định, yên tâm công tác; số nhân viên hành chính dôi dư sẽ thực hiện điều chuyển sang đơn vị khác đảm bảo cơ cấu, tỷ lệ theo quy định. Việc sắp xếp được bố trí như sau:

1. Đối với chức danh Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng: 07 người, trong đó, Hiệu trưởng: 05, Phó Hiệu trưởng: 02

Tại Khoản 2, Điều 20, Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ thực hiện giữ nguyên Điều 11, Nghị định số 108/2014/BĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế quy định "Chính sách đối với những người thôi giữ chức vụ lãnh đạo hoặc được bổ nhiệm, bầu cử vào chức vụ khác có PCCV lãnh đạo mới thấp hơn do sắp xếp tổ chức: *Cán bộ, công chức, viên chức do sắp xếp tổ chức thôi giữ chức vụ lãnh đạo hoặc được bổ nhiệm, bầu cử vào chức vụ mới có phụ cấp chức vụ lãnh đạo thấp hơn so với phụ cấp chức vụ lãnh đạo đang hưởng thì được bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo đang hưởng đến hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm hoặc hết nhiệm kỳ bầu cử. Trường hợp đã giữ chức vụ theo thời hạn được bổ nhiệm hoặc nhiệm kỳ bầu cử còn dưới 06 tháng thì được bảo lưu 06 tháng*".

Do đó, số CBQL của các trường sau sáp nhập trong giai đoạn 2023-2025 sẽ giữ nguyên và được bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo đang hưởng đến hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm và có tính toán phân công chức danh Hiệu trưởng đối với trường sau sáp nhập.

Sau thời hạn bảo lưu đó thì CBQL phải đảm bảo theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ và Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đồng thời, số CBQL dôi dư trên (nếu có trường hợp Hiệu trưởng sau sắp xếp giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng) phải đảm bảo thực hiện ưu tiên khi điều động bố trí sang trường khác nếu trường đó khuyết chức danh Hiệu trưởng.

2. Đối với chức danh Kế toán, nhân viên Y tế: 09 người, trong đó: Kế toán: 06, NV Y tế: 03

Thực hiện lộ trình tinh giản biên chế theo từng năm của Đề án:

- Năm 2023: Tinh giản 02 Kế toán;

- Năm 2024: Tinh giản 01 Kế toán và 01 NV Y tế;

- Năm 2025: Tinh giản 03 Kế toán và 02 NV Y tế.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nội vụ

Chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo thẩm định, tham mưu ban hành Quyết định phê duyệt Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn,

hiệu quả của các đơn vị sự nghiệp giai đoạn 2023 -2025 trên địa bàn huyện Dầu Tiếng, hoàn thành chậm nhất trong Quý IV/2023.

Hàng năm, ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện theo lộ trình Đề án đã đề ra; đồng thời, hướng dẫn, sắp xếp, bố trí nhân sự sau khi sáp nhập và thực hiện tinh giản biên chế dôi dư do sắp xếp lại đơn vị sự nghiệp (nếu có) theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp Phòng Nội vụ xây dựng Đề án, Kế hoạch và tổ chức thực hiện Đề án; tham mưu sắp xếp bố trí đủ CBGVNV cho nhà trường sau khi sáp nhập. Xây dựng phương án bố trí đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên sau khi sắp xếp để đảm bảo định mức, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm.

Phối hợp UBND các xã, thị trấn (liên quan đến công tác sáp nhập) tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của đội ngũ CBGVNV nhà trường và cha mẹ học sinh trên địa bàn đối với thực hiện chủ trương sáp nhập.

3. Phòng Tư pháp

Phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo thẩm định Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả của các đơn vị sự nghiệp giai đoạn 2023 -2025 trên địa bàn huyện Dầu Tiếng.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Tham mưu UBND huyện cân đối điều kiện tài chính cho các đơn vị sau khi sáp nhập.

5. Các cơ quan, đơn vị, ban, ngành, đoàn thể huyện

Tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của việc sáp nhập các trường học có quy mô nhỏ trên địa bàn huyện để nhân dân thấy được việc sáp nhập phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục của huyện; đáp ứng được yêu cầu phát triển giáo dục, bảo đảm được quyền lợi học tập của học sinh, quyền lợi của CBQL, giáo viên, nhân viên các trường học góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

6. Các đơn vị trường học trực thuộc

Triển khai, tuyên truyền sâu rộng Đề án này trong CBGVNV và nhân dân về mục đích, ý nghĩa của việc sắp xếp, sáp nhập các đơn vị trường học tạo sự đồng thuận, thống nhất cao.

7. Điều khoản chuyển tiếp

Đến thời điểm Thông tư số 19/2023/BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập (thay thế Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập) và

Thông tư số 20/2023/BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các trường chuyên công lập (thay thế Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập) có hiệu lực từ ngày 16/12/2023 thì các nội dung trong Đề án này tiếp tục triển khai thực hiện theo Thông tư số 19/2023/BGDĐT ngày 30/10/2023 và Thông tư số 20/2023/BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trên đây là Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả của các đơn vị sự nghiệp giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn huyện Dầu Tiếng. Yêu cầu các cơ quan, ban ngành huyện, UBND các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG

Phụ lục 1

THỐNG KÊ SỐ TRƯỜNG, LỚP, HS, PHÒNG HỌC VÀ ĐỘI NGŨ CBGVNV (Tính đến tháng 10/2023)

STT	Cấp xã	TÊN TRƯỜNG	Số lớp	Số HS	Số P.học	Lẻu	HS/Lớp	Tổng số CBGVNV				Hợp đồng	Tổng	Ghi chú
								CBQL	GV	HCPV	NV 68			
1	TT Dầu Tiếng	MN 13/3	13	338	18	x	26.00	3	30	2	13		48	
2		MN Sơn Ca	15	484	15		32.27	2	32	2	15		51	
3		TH Dầu Tiếng	33	1149	33	x	34.82	3	51	4	5		63	
4		TH Ngô Quyền	30	1064	30	x	35.47	3	46	7	5		61	
5		THCS Nguyễn Binh Khiêm	49	1906	35	x	38.90	3	80	5	4	1	93	
6	Xã Minh Thạnh	MN Minh Thạnh	10	300	12		30.00	3	22	2	11		38	
7		TH Minh Thạnh	24	789	31	x	32.88	3	35	5	4	2	49	
8		THCS Minh Thạnh	16	584	14	x	36.50	2	26	5	4		37	
9	Xã Minh Hòa	MN Hoa Mai	13	386	13	x	29.69	3	27	2	11		43	
10		TH Minh Hòa	23	713	23	x	31.00	1	32	4	3	3	43	
11		TH Hòa Lộc	8	230	11	x	28.75	2	9	4	3	2	20	
12	Xã Minh Tân	MN Hướng Dương	6	148	6		24.67	3	9	2	6	3	23	
13		MG Minh Tân	5	146	5		29.20	2	10	2	6	1	21	
14		TH Minh Tân	20	627	33	x	31.35	1	29	3	4		37	
15		THCS Minh Tân	17	637	14	x	37.47	1	26	3	3	1	34	
16	Xã Định An	MN Tuổi Thơ	4	84	4		21.00	2	6	1	5	3	17	
17		MN Định An	6	139	10		23.17	1	12	2	10		25	
18		TH Định An	13	413	30	x	31.77	2	22	3	3		30	
19		THCS Định An	9	331	10	x	36.78	2	20	3	3		28	
20	Xã Định Thành	MN Định Thành	4	83	4		20.75	2	8	2	6	1	19	
21		TH Định Thành	5	136	5		27.20	2	8	3	3	2	18	

STT	Cấp xã	TÊN TRƯỜNG	Số lớp	Số HS	Số P.học	Lẻ	HS/Lớp	Tổng số CBGVNV				Hợp đồng	Tổng	Ghi chú
								CBQL	GV	HCPV	NV 68			
22	Xã Long Hòa	MN Họa Mi	19	504	24	x	26.53	4	25	1	18	13	61	
23		TH Long Hòa	31	1049	33	x	33.84	3	44	4	4	3	58	
24		THCS Long Hòa	22	940	22	x	42.73	2	37	7	4	2	52	
25	Xã Định Hiệp	MN Định Hiệp	9	238	11		26.44	3	17	2	12		34	
26		TH Định Hiệp	15	488	15		32.53	2	25	3	4		34	
27		THCS Định Hiệp	10	378	16	x	37.80	2	19	6	3		30	
28		TH Định Phước	5	139	5		27.80	2	9	3	3		17	
29	Xã Long Tân	MN Long Tân	9	248	13		27.56	3	11	2	12	10	38	
30		TH-THCS Long Tân	24	846	33	x	35.25	3	33	4	5	1	46	
31	Xã An Lập	MN An Lập	11	275	20	x	25.00	2	12	2	9	7	32	
32		TH An Lập	17	583	18	x	34.29	2	26	5	3		36	
33		THCS An Lập	10	341	12	x	34.10	2	17	4	3		26	
34	Xã Thanh Tuyền	MN Thanh Tuyền	6	175	6		29.17	2	8	2	9	4	25	
35		MN Bến Súc	10	328	10		32.80	3	21	1	13	1	39	
36		TH Thanh Tuyền	13	406	33	x	31.23	2	20	5		4	31	
37		TH Bến Súc	28	904	28	x	32.29	3	41	6	5		55	
38	Xã Thanh An	MN Thanh An	9	226	14	x	25.11	3	18	3	9		33	
39		MN Thanh Tân	4	100	4		25.00	2	9	2	6		19	
40		TH Thanh An	12	419	12	x	34.92	2	20	3	3		28	
41		TH Thanh Tân	10	256	11	x	25.60	2	15	3	4		24	
42		THCS Thanh An	14	512	14	x	36.57	2	27	6	3		38	
		Tổng	**583**	**19220**	**677**	**28**		**97**	**994**	**140**	**259**	**64**	**1554**	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG

Phụ lục 2

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP, SÁP NHẬP GIAI ĐOẠN 2023-2025

STT	ĐƠN VỊ	Số lớp	Số HS	Tổng số CBGVNV				Hợp đồng	Tổng	Tên trường sau khi sáp nhập			Ghi chú
				CB QL	GV	HC PV	NV theo NĐ số 111			Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	MN 13/3	13	338	3	30	2	13		48				
2	MN Minh Thạnh	10	300	3	22	2	11		38				
3	MN Hoa Mai	13	386	3	27	2	11		43				
4	MN Sơn Ca	15	484	2	32	2	15		51				
5	MN Định Thành	4	83	2	8	2	6	1	19				
6	MN Định An	6	139	1	12	2	10		25	MN Định An			Cơ sở 1: MN Định An, cơ sở 2: MN Tuổi Thơ
7	MN Tuổi Thơ	4	84	2	6	1	5	3	17				
8	MN Hướng Dương	6	148	3	9	2	6	3	23	MN Minh Tân			Cơ sở 1: MG Minh Tân, cơ sở 2: MN Hướng Dương
9	MG Minh Tân	5	146	2	10	2	6	1	21				
10	MN Định Hiệp	9	238	3	17	2	12		34				
11	MN Họa Mi	19	504	4	25	1	18	13	61				
12	MN Long Tân	9	248	3	11	2	12	10	38				
13	MN An Lập	11	275	2	12	2	9	7	32				
14	MN Thanh An	9	226	3	18	3	9		33			MN Thanh An	Cơ sở 1: MN Thanh An, cơ sở 2: MN Thanh Tân
15	MN Thanh Tân	4	100	2	9	2	6		19				
16	MN Thanh Tuyền	6	175	2	8	2	9	4	25				
17	MN Bến Súc	10	328	3	21	1	13	1	39				
18	TH Minh Thạnh	24	789	3	35	5	4	2	49				
19	TH Minh Hòa	23	713	1	32	4	3	3	43				

STT	ĐƠN VỊ	Số lớp	Số HS	Tổng số CBGVNV				Hợp đồng	Tổng	Tên trường sau khi sáp nhập			Ghi chú
				CB QL	GV	HC PV	NV theo NĐ số 111			Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
20	TH Hòa Lộc	8	230	2	9	4	3	2	20				
21	TH Minh Tân	20	627	1	29	3	4		37				
22	TH Dầu Tiếng	33	1149	3	51	4	5		63				
23	TH Định Thành	5	136	2	8	3	3	2	18				
24	TH Ngô Quyền	30	1064	3	46	7	5		61				
25	TH Long Hòa	31	1049	3	44	4	4	3	58				
26	TH An Lập	17	583	2	26	5	3		36				
27	TH Định Hiệp	15	488	2	25	3	4		34			TH Định Hiệp	Cơ sở 1: TH Định Hiệp, cơ sở 2: TH Định Phước
28	TH Định Phước	5	139	2	9	3	3		17				
29	TH Thanh An	12	419	2	20	3	3		28			TH Thanh An	Cơ sở 1: TH Thanh An, cơ sở 2: TH Thanh Tân
30	TH Thanh Tân	10	256	2	15	3	4		24				
31	TH Bến Súc	28	904	3	41	6	5		55				
32	TH Thanh Tuyền	13	406	2	20	5	0	4	31				
33	TH Định An	13	413	2	22	3	3		30		TH-THCS Định An		Cơ sở 1: THCS Định An, cơ sở 2: TH Định An
34	THCS Định An	9	331	2	20	3	3		28				
35	THCS Minh Thạnh	16	584	2	26	5	4		37				
36	THCS Minh Tân	17	637	1	26	3	3	1	34				
37	THCS Long Hòa	22	940	2	37	7	4	2	52				
38	THCS Định Hiệp	10	378	2	19	6	3		30				
39	THCS An Lập	10	341	2	17	4	3		26				
40	THCS Thanh An	14	512	2	27	6	3		38				
41	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	49	1906	3	80	5	4	1	93				
42	TH-THCS Long Tân	24	846	3	33	4	5	1	46				
	TỔNG	**611**	**20042**	**97**	**994**	**140**	**259**	**64**	**1554**				

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG

Phụ lục 3

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CBGVNV DÔI DƯ SAU KHI SẮP XẾP, SÁP NHẬP

Stt	Đơn vị trường sau khi sáp nhập	Năm 2023					Năm 2024					Năm 2025					Ghi chú
		Tổng	HT	PHT	Kế toán	NV Y tế	Tổng	HT	PHT	Kế toán	NV Y tế	Tổng	HT	PHT	Kế toán	NV Y tế	
1	MN Định An	**1**			1												
2	MN Minh Tân	**3**	1	1	1												
5	TH-THCS Định An						**3**	1		1	1						
6	MN Thanh An											**4**	1	1	1	1	
7	TH Thanh An											**2**	1		1		
8	TH Định Hiệp											**3**	1		1	1	
	TỔNG CỘNG	**4**	**1**	**1**	**2**		**3**	**1**		**1**	**1**	**9**	**3**	**1**	**3**	**2**	